TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2019.
V/v: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Út Hậu

2/ Ông Hồ Quốc Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Gia L**, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Số *, khu vực *, phường Châu Văn L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực *, phường Châu Văn L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Minh C**, sinh năm 1970 (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực *, phường Châu Văn L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Gia L trình bày và yêu cầu như sau:

Sau thời gian tìm hiểu đến năm 2018, chị và anh Trần Văn T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, vợ chồng sống chung từ đó nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị có một con tên Trần Gia Ph, sinh ngày 19/11/2018 (nam), hiện nay anh T đang nuôi.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 10 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cải vả nhau, chị cố gắng hàn gắn hạnh phúc lo tương lai cho con nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, ngày 19/11/2018 chị sinh con tại bệnh viện Đa khoa trung ương trong lúc chưa xuất viện thì anh T bồng con về nuôi, anh chị đã ly thân cho đến nay. Chị cho rằng cuộc hôn nhân không đạt, kéo dài không có hạnh phúc nên chị muốn trả tự do cho nhau.

Nay Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con tên Trần Gia Ph, sinh ngày 19/11/2018 (nam), anh T đang nuôi, lúc đầu chị xin được nuôi con nhưng thay đổi ý kiến là đồng ý giao con cho anh T trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k (nữ trang cưới) do ông Trần Minh C đang giữ, chị yêu cầu ông C trả lại để chia đôi với bị đơn nhưng sau đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và bị đơn cũng đồng ý.

Về nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 01/3/2019 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Văn T trình bày và yêu cầu như sau:

Thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, cụ thể là chung sống năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9 năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên cãi nhau nên mất hạnh phúc. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ đó đến nay, anh T cho rằng không còn tình cảm và không thể hàn gắn tình cảm với chị L. Do đó anh đồng ý yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị L.

Về con chung: Có một con tên Trần Gia Ph, sinh ngày 19/11/2018 (nam), hiện nay đang sống với anh T, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 01/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh C trình bày:

Ông C thừa nhận có giữ 10 chỉ vàng 24k là vàng cưới ông đã cho vợ chồng chị L. Tuy nhiên số vàng này đã dùng vào việc trị bệnh tim cho cháu Trần Gia Ph. Ông C, chị L và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bị đơn và nguyên đơn thống nhất giao cháu Trần Gia Ph, sinh ngày 19/11/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất có tổng cộng 12 chỉ vàng trong đó: 10 chỉ vàng 24 k (Dây truyền 05 chỉ, bông tai 01 chỉ, lắc 04 chỉ) do ông C đang giữ và 02 chỉ vàng 18k (dây chuyền 01 chỉ và 03 chiếc vòng là một chỉ) do chị L đang giữ. Nguyên đơn yêu cầu rút lại việc yêu cầu chia tài sản để tự thỏa thuận và bị đơn cũng đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Trần Gia L và anh Trần Văn T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 và không có đăng ký kết hôn. Xác định đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị L khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng". Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại khu vực *, phường Châu Văn L*, quận Ô, thành phố Cần Thơ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T chung sống như vợ chồng năm 2018 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh chị sống chung hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm của anh chị ngày càng mâu thuẫn nghiêm trọng, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9 năm 2018 và đã không sống chung từ đó cho đến nay,

xét thấy trong khoản thời gian anh chị chung sống với nhau như vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy xét yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng và anh T cũng đồng ý là phù hợp. Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất có một con chung là Trần Gia Ph, sinh ngày 19/11/2018 (nam) đang sống với anh T. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T thì anh chị thống nhất ổn định việc nuôi con như hiện nay cho anh T trực tiếp nuôi, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"...2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...".

Căn cứ quy định trên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề nuôi con.

Chị L và anh T thỏa thuận: Không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con theo các Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh T thống nhất có tổng cộng 12 chỉ vàng trong đó: 10 chỉ vàng 24 k (Dây chuyền 05 chỉ, bông tai 01 chỉ, lắc 04 chỉ) do ông C đang giữ và 02 chỉ vàng 18 k (dây chuyền 01 chỉ và 03 chiếc vòng là một chỉ) do chị L đang giữ. Nguyên đơn yêu cầu rút lại việc yêu cầu chia tài sản để tự thỏa thuận và bị đơn cũng đồng ý việc nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ về phần tài sản.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí yêu cầu phân chia tài sản.

[6] Quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Điều 227, Điều 235, k2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8, 9, 14, 15, 16, 51, 55, 56; 57, 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Gia L và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị L và anh T thống nhất giao con chung Trần Gia Ph, sinh ngày 19/11/2018 (nam) cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Đình chỉ việc nguyên đơn rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Gia L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), chị L được nhận lại 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005901 ngày 12/02/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Oanh

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường Châu Văn Liêm, Q. Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

……. …… **Nguyễn Thị Oanh**